TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – ĐĂK LĂK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **59**/2026/HNGĐ – ST
Ngày: 20/7/2026
V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐẮK LẮK
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Trần Thị Nhã Phương.
- *Các hội thẩm nhân dân*: Ông Y Yao Bkrông và ông Nguyễn Xuân Trường

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Lương Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đăk Lăk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Đăk Lăk tham gia phiên tòa*: Ông Cao Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 20/7/2026, tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 7 – Đăk Lăk xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 73/2026/TLST - HNGĐ, ngày 11 tháng 03 năm 2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12/6/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2026/QĐST-HNGĐ,ngày 29/6/2026, giữa các đương sự:

*** *Nguyên đơn***: Bà Bà **Lê Thị P**, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Thôn E, xã E, tỉnh Đắk Lắk. *Có đơn xin xét xử vắng mặt*

*** *Bị đơn:*** Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Thôn E, xã E, tỉnh Đắk Lắk. *Vắng mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Lê Thị P trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Tôi với ông Nguyễn Văn C là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk) ngày 18/02/2019 trên cơ sở tự nguyện. Trong thời gian chung sống do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên tôi yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

Về con chung: Tôi với ông Nguyễn Văn C có một con chung là Nguyễn Ngọc Quỳnh M, sinh ngày 07/3/2019. Sau ly hôn tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng: Tôi yêu cầu ông C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.500.000đ/tháng cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi)..

Về tài sản chung, công nợ: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo bản tự khai, bị đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:*Qúa trình hôn nhân giữa ông C và bà P là đúng. Nhưng tôi không đồng ý yêu cầu ly hôn của bà P, vì vợ chồng chỉ vì hiểu lầm nhỏ không đáng để ly hôn. Tôi mong muốn vợ chồng đoàn tụ, tiếp tục cuộc sống hôn nhân.Tôi với bà Lê Thị P có một con chung là Nguyễn Ngọc Quỳnh M, sinh ngày 07/3/2019. Vì không đồng ý ly hôn nên tôi không có yêu cầu gì về con chung và tài sản chung

Tại biên bản lấy lời khai của Nguyễn Ngọc Quỳnh M, sinh ngày 07/3/2019 có nguyện vọng được ở với mẹ là Lê Thị P

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 7 – ĐắkLắk đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Văn C để tham gia tố tụng nhưng vẫn không hòa giải được . Căn cứ vào Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đăk Lăk đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ Điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 tham gia phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã ban hành các quyết định, cấp tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật; Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Đề nghị:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị P:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị P được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Ngọc Quỳnh M, sinh ngày 07/3/2019 cho bà Lê Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng: Ông Nguyễn Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Ngọc Quỳnh M mỗi tháng 1.500.000đ cho đến khi trưởng thành (tròn 18 tuổi)

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị P có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án khu vực 7 – Đăk Lăk giải quyết việc hôn nhân, con chung đối với ông Nguyễn Văn C, đơn khởi kiện của bà được Tòa án khu vực 7 – Đăk Lăk xác định quan hệ pháp luật là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung"*, được quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án khu vực 7 – Đăk Lăk.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị P và ông Nguyễn Văn C tự nguyện kết hôn, có đăng ký tại Uỷ ban nhân dân xã Cư Ni, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk) ngày 18/02/2019, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong thời gian chung sống do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên bà Lê Thị P có nguyện vọng xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương xác định vợ chồng ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị P thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và có thông báo với chính quyền địa phương, chính quyền địa phương có hòa giải nhưng không thành, cả hai vợ chồng không sống chung với nhau từ khoảng tháng 2/2026 đến nay. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị P, cho bà Lê Thị P được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

Về con chung: Bà Lê Thị P và ông Nguyễn Văn C có một con chung là Nguyễn Ngọc Quỳnh M, sinh ngày 07/3/2019. Bà P có nguyện vọng được chăm sóc và nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành. Qúa trình làm việc, Nguyễn Ngọc Quỳnh M cũng có nguyện vọng được sống với mẹ là Lê Thị P. Do đó, để đảm bảo cho sự phát

triển bình thường về tâm, sinh lý, cũng như để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, căn cứ Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao con chung Nguyễn Ngọc Quỳnh M, sinh ngày 07/3/2019 cho bà Lê Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về yêu cầu cấp dưỡng: Bà Lê Thị P yêu cầu ông Nguyễn Văn C cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ cho đến khi trưởng thành (tròn 18 tuổi) là phù hợp với quy định tại **c**ác Điều 107, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ án hôn nhân gia đình nên cần chấp nhận.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[3]Về án phí: - Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a hoặc điểm đ khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Bà Lê Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ông Nguyễn Văn C phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với nghĩa vụ cấp dưỡng.

Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 203, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, và Điều 238 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58. Điều 81, 82 và Điều 83, Điều 84, Điều 107; Điều 110; Điều 116; Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

- Căn cứ Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ án hôn nhân gia đình.

- Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a hoặc điểm đ khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị P:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị P được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

[2]. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Ngọc Quỳnh M, sinh ngày 07/3/2019 cho bà Lê Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000đ/ tháng cho đến khi Nguyễn Ngọc Quỳnh M trưởng thành (tròn 18 tuổi). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8/2026.

Ông Nguyễn Văn C được quyền đi lại thăm nom con chung và không ai được cản trở. Tuy nhiên, ông C không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết, các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Dương sự không yêu cầu tòa án giải quyết

[4]. Về án phí: Bà Lê Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0002423, ngày 11 tháng 03 năm 2026, của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Ông Nguyễn Văn C phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với nghĩa vụ cấp dưỡng.

[5]. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định tụng dân sự./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Nhã Phương

Nơi nhận
- TAND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 7 - ĐăkLăk;
- Phòng THADS khu vực 7;
- UBND xã E;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.